

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bấm
2. Bà Lý Thị Thiên Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, thông báo thay đổi thời gian xét xử số 20/TB-TA ngày 05 tháng 4 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 21/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mai Anh T; nơi cư trú: Phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T; nơi cư trú: Phường V, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/6/2020, bản tự khai nguyên đơn anh Mai Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999, anh và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/1999 tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Quá trình kết hôn anh và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2015, từ năm 2016 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh không còn tin tưởng chị T trong tình cảm, mặc dù anh không bắt được quả tang chị T có quan hệ quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Tuy nhiên, từ năm 2018 anh liên tục theo dõi và phát hiện chị T có những mối quan hệ nam, nữ không bình thường. Đến cuối năm 2019, anh được chị Hợp là vợ của anh Hồ Anh Vân gửi cho một tập tài liệu sao chụp các tin nhắn gửi qua lại giữa anh Hồ Anh Vân và chị T. Nội dung các tin nhắn thể hiện anh Vân và chị T có quan hệ tình cảm bất chính với nhau và gọi nhau là vợ, chồng. Sau khi sự việc xảy ra, anh đã tha thứ bỏ qua cho chị T để vợ chồng cải thiện tình cảm nhưng chị T vẫn không sửa chữa và vẫn liên tục nhắn với anh Vân. Chính vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và từ tháng 12/2019 cho đến nay anh và chị T đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 4/2020, anh và chị T đã xin ly hôn, sau đó được Tòa án hòa giải anh đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị T có hai con chung là Mai Anh Đ, sinh ngày 27/01/2000 và Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009. Hiện con lớn Mai Anh Đ đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn anh đồng ý giao con Mai Anh P cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Quá trình giải quyết anh T yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ là 83.000.000 đồng. Anh yêu cầu chị T có trách nhiệm phải trả 1/2 khoản nợ là 41.500.000 đồng.

Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ra Thông báo số 634/TB-TA nộp tiền án phí cho anh T. Ngày 14/12/2020, anh Mai Anh T đã nộp lại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Ngày 14/01/2021 anh Mai Anh T rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết việc yêu cầu chia khoản nợ giữa anh và chị T.

* Tại bản tự khai ngày 26/10/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Thành trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận, chị và anh Mai Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/1999, tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Về quá trình chung sống theo chị anh T trình bày là không đúng. Chị và anh T chung sống hạnh phúc. Đầu năm 2019, chị có đi chơi Singapore cùng khóa học của Hội phụ nữ. Khi đi chị có xin phép anh T đồng ý, đến khi về giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn. Do anh T nghi ngờ chị đi chơi với anh Hồ Anh Vân nên anh T có đánh chị và sau đó đã xin lỗi. Mâu thuẫn căng thẳng từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không còn tin tưởng chị về mặt tình cảm là do có tập tin nhắn của vợ anh Vân gửi cho anh T, chị xác nhận có nhắn tin qua lại với anh Vân. Tuy nhiên giữa chị và anh Vân chỉ là quan hệ đối tác làm ăn, việc nhắn tin với anh Vân chỉ là đùa, ngoài ra giữa chị và anh Vân không đi quá giới hạn. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng và đã 05 tháng nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh T có đơn xin ly hôn, chị xác định vẫn còn tình cảm yêu thương anh T và muốn các con trưởng thành, nên chị không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ. Trường hợp anh T cương quyết xin ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh T có hai con chung là Mai Anh Đ, sinh ngày 27/01/2000 và Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009. Hiện con Mai Anh Đ đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn, chị nhận nuôi con Mai Anh P. Hàng tháng anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Mai Anh P là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ để chi tiêu cho gia đình và nuôi con ăn học. Cụ thể: Vay Ngân hàng chính sách xã hội quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng 95.000.000 đồng; vay của Ngân hàng Bản Việt chi nhánh Hải Phòng 30.000.000 đồng. Tổng số tiền chị yêu cầu là 125.000.000 đồng. Chị đề nghị anh T có trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ là 62.500.000 đồng. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Ngày 02/12/2020, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã ra Thông báo nộp án phí số 633/TB-TA nộp án phí chia tài sản đã được gửi cho chị T qua đường bưu điện vào ngày 08/12/2020 và ngày 18/12/2020, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã giao

trực tiếp cho chị T. Nhưng hết thời hạn theo quy định chị T không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T, thể hiện: Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm rõ. Nhưng vợ, chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được địa phương phân tích hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trường hợp anh T kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Anh T, chị T có hai con chung là Mai Anh Đ, sinh ngày 27/01/2000 và Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009. Hiện con Mai Anh Đ đã trưởng thành, việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: Địa phương không nắm được nên không có ý kiến.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Mai Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị T; về con chung: Anh T xác nhận có hai con chung là Mai Anh Đ, sinh ngày 27/01/2000 và Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009. Hiện con lớn Mai Anh Đ đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con Mai Anh P cho chị Vũ Thị T nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hàng tháng anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về khoản nợ: Anh Mai Anh T rút yêu cầu và không đề nghị Tòa án giải quyết số tiền nợ là 83.000.000 đồng.

Ngày 13/4/2021, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã đưa vụ án ra xét xử, bị đơn chị Vũ Thị T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên có quan điểm: Mâu thuẫn của anh Mai Anh T và chị Vũ Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Anh T, anh Mai Anh T được ly hôn với chị Vũ Thị T; về việc nuôi con chung: Anh T, chị T có hai con chung là Mai Anh Đ, sinh ngày 27/01/2000 và Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009. Hiện con Mai Anh Đ đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con Mai Anh P cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hàng tháng, anh T cấp dưỡng nuôi con Mai Anh P là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi; về việc chia tài sản: Anh Mai Anh T và chị Vũ Thị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về khoản nợ: Đối với yêu cầu của anh Mai Anh T yêu cầu về khoản nợ, anh Mai Anh T đã rút yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần đối với yêu cầu về khoản nợ; đối với yêu cầu của chị Vũ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ. Tuy nhiên, chị T không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình, nên Tòa án không xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Về án phí: Anh Mai Anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật; hoàn trả lại anh Mai Anh T số tiền nộp dự phí chia tài sản là 2.000.000 đồng do anh Mai Anh T rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:
- + Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Vũ Thị T cư trú tại địa bàn quận Ngô Quyền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- + Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Ngày 17 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ; thông báo thay đổi thời gian xét xử số 20/TB-TA ngày 05/4/2020 và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị T. Nhưng tại phiên tòa ngày 13 tháng 4

năm 2021 chị T vắng mặt lần thứ nhất. Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ và ấn định phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chứng tỏ chị Vũ Thị T không chấp hành pháp luật, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Vũ Thị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Mai Anh T và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/1999, tại Ủy ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị T phát sinh do anh T không tin tưởng chị T trong tình cảm được thể hiện qua các tin nhắn mà chị T nhắn gửi cho người đàn ông khác vượt quá giới hạn tình cảm (bút lục 13- 38). Chính vì vậy, từ tháng 12/2019 cho đến nay anh T và chị T đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2020, anh chị đã xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Ngày 01/6/2020, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định đình chỉ số 16/2020/QĐST-HNGĐ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng từ đó đến nay anh T và chị T vẫn không cải thiện được tình cảm. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T vợ chồng không còn thương yêu, chung thủy, tình cảm của chị đã giành cho người khác, vợ chồng không cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Mai Anh T.

+ Về việc nuôi con:

[5] Anh Mai Anh T và chị Vũ Thị T có hai con chung là Mai Anh Đ, sinh ngày 27/01/2000 và Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009. Hội đồng xét xử xét: Hiện nay cháu Mai Anh Đ đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Mai Anh P hiện đang học tiểu học, cần sự dạy bảo và chăm sóc của chị T hơn anh T, hơn nữa cháu có nguyện vọng được ở với chị T. Mặt khác, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cho con nên giao con Mai Anh P cho chị Nguyễn Thị Thành trực tiếp nuôi. Hàng tháng anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con Mai Anh P là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Anh Mai Anh T và chị Nguyễn Thị Thành không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Đối với yêu cầu về khoản nợ:

[7] Về yêu cầu khoản nợ chung của anh Mai Anh T: Ngày 14/01/2021 anh Mai Anh T rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia khoản nợ giữa anh và chị T với số tiền là 83.000.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần đối với việc yêu cầu chia khoản nợ mà nguyên đơn đã xin rút.

[8] Về yêu cầu khoản nợ của chị Nguyễn Thị Thành: Chị T yêu cầu tổng số tiền nợ chung là 125.000.000 đồng. Chị đề nghị anh T có trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ là 62.500.000 đồng. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản và chị T đã trực tiếp nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 18/12/2020. Tuy nhiên, chị T không nộp tiền tạm ứng án phí. Tại điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án..... bị đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí và phải nộp cho Tòa án Biên lai thu tiền tạm ứng án phí”. Như vậy, việc chị T không nộp tiền tạm ứng án phí, nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu có yêu cầu giải quyết chia tài sản sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

[9] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Mai Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại anh Mai Anh T số tiền nộp dự phí chia tài sản là 2.000.000 đồng do anh Mai Anh T rút yêu cầu.

- Về quyền kháng cáo:

[10] Anh Mai Anh T và chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Mai Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Anh T được ly hôn với chị Vũ Thị T.

2. Về việc nuôi con: Anh Mai Anh T và chị Vũ Thị T có hai con chung là Mai Anh Đ, sinh ngày 27/01/2000 và Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009. Hiện con Mai Anh Đ đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con Mai Anh P, sinh ngày 26/5/2009 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hàng tháng, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về việc chia tài sản: Anh Mai Anh T và chị Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc giải quyết khoản nợ chung với số tiền là 83.000.000 đồng.

5. Về án phí: Anh Mai Anh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006688 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh Mai Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại anh Mai Anh T số tiền nộp dự phí chia tài sản là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006849 ngày 14

tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh Mai Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Vũ Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 27/9/1999);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (CNKH ngày 24/02/2009);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

